

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

KẾ HOẠCH THI
Cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản
Khoá thi ngày 24/11/2024

I. Thời gian thi: Ngày 24/11/2024

II. Địa điểm thi: Giảng đường 7, Trường Đại học Tây Nguyên

III. Lịch thi chi tiết:

- Tổng số thí sinh dự thi: 100 thí sinh
- Số lượng phòng thi: 5 Phòng
- Ban coi thi và thí sinh có mặt tại phòng thi: Sáng 07h00'

TT	Ngày thi	Buổi thi	Thời gian thi và môn thi	Số báo danh: Phòng thi	Phòng thi
1	24/11/2024	Sáng	07h30' - 09h00' thi Thực hành (90 phút) 09h10' - 09h40' thi Lý thuyết (30 phút)	Từ SBD T1 đến SBD T20: Phòng 7.3.20	P1
				Từ SBD T21 đến SBD T40: Phòng 7.3.21	P2
				Từ SBD T41 đến SBD T60: Phòng 7.3.23	P3
				Từ SBD T61 đến SBD T80: Phòng 7.3.24	P4
				Từ SBD T81 đến SBD T100: Phòng 7.4.27	P5

Đã Lắc, ngày 24 tháng 11 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG


Kô Thị Thuong

Số: 65 / QĐ-TNU-LIC

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách thí sinh dự thi và cấp chứng chỉ
Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 về ban hành Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định 1710/QĐ-ĐHTN ngày 8 tháng 9 năm 2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định 2043/QĐ-ĐHTN ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc thành lập Hội đồng thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên;

Xét đề nghị của Ban thư ký.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 100 thí sinh dự thi chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, khóa thi ngày 24/11/2024 tại trường Đại học Tây Nguyên (có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các thành viên Hội đồng thi và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để báo cáo);
- Phòng Thanh tra pháp chế;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Như điều 2;
- Lưu TTNTH.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI



TS. Hồ Thị Phương

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-TNU-LIC ngày 21 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch hội đồng thi)

STT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
1	T001	21101001	Nguyễn Thị	An	07/06/2003	Đắk Lắk	
2	T002	21104028	Bùi Lan	Anh	01/01/2003	Đắk Lắk	
3	T003	21702175	Bùi Thị Mai	Anh	19/07/2003	Đắk Lắk	
4	T004	21101002	Đặng Lan	Anh	04/11/2003	Đắk Lắk	
5	T005	21410003	Lê Ngọc Trâm	Anh	20/01/2003	Đắk Lắk	
6	T006	18404024	Mai Tiến	Anh	21/07/2000	Đắk Lắk	
7	T007		Nguyễn Bùi Hoàng	Anh	19/07/2003	Hà Giang	
8	T008	21101080	Nguyễn Hà Kiều	Anh	13/07/2003	Đắk Lắk	
9	T009	21403008	Trình Phương	Âu	20/03/2003	Đắk Lắk	
10	T010	21102014	Nguyễn Gia	Bảo	04/08/2003	Khánh Hòa	
11	T011	21101010	Y Đồi	Bol	10/05/2002	Đắk Nông	
12	T012		H Nê Vang	Byă	01/01/2003	Đắk Lắk	
13	T013	21412101	Nguyễn Đức	Chiến	05/04/2003	Đắk Lắk	
14	T014	20307061	Báo Ngọc Mỹ	Duyên	19/05/2001	Ninh Thuận	
15	T015	22311005	Bùi Thị Mỹ	Duyên	19/07/2004	Lâm Đồng	
16	T016	21104025	Khuong Thuý	Dương	26/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	
17	T017	21104033	Huỳnh Anh	Đạt	02/11/2003	Bình Định	
18	T018	20307065	Trương Tuấn	Đạt	17/08/2002	Ninh Thuận	
19	T019	21104034	Nguyễn Hoàng	Đức	02/07/2003	Gia Lai	
20	T020		Ninh Thị Minh	Giang	18/04/1990	Đắk Lắk	
21	T021	21101019	Ngô Thị Hồng	Hà	02/03/2003	Bình Phước	
22	T022		Phan Thị Thu	Hà	15/11/1990	Đắk Lắk	
23	T023	22302009	Nguyễn Thế	Hải	10/06/2004	Đắk Lắk	
24	T024	21311052	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	21/03/2003	Đắk Lắk	
25	T025	21102030	Nguyễn Võ Ngọc	Hiệp	12/12/2003	Đắk Lắk	
26	T026	21101025	Đinh Thị	Hiếu	19/07/2002	Đắk Lắk	
27	T027	21104039	Đỗ Đình	Hồng	17/01/2003	Bình Phước	
28	T028	21412022	Dương Thị	Huế	04/04/2003	Đắk Lắk	
29	T029	22102003	Nguyễn Văn	Hưng	15/11/2004	Đắk Lắk	
30	T030	20307104	Võ Lan	Hương	02/11/2002	Gia Lai	
31	T031	19410060	Nguyễn Trần Duy	Khanh	21/03/2001	Đắk Lắk	
32	T032	20307107	Trần Minh	Khôi	12/03/2000	Đắk Lắk	
33	T033	21102020	Phạm Hưng Đại	Khuê	10/07/2003	Đắk Lắk	
34	T034	21406164	Bùi Duy	Khuong	22/07/2003	Đắk Lắk	
35	T035	20307110	Nguyễn Văn	Kiều	26/07/2002	Đắk Lắk	
36	T036	21412084	Lộc Thị	Kinh	13/06/2003	Đắk Lắk	
37	T037	21702218	H Di Na	Knul	20/12/2003	Đắk Lắk	
38	T038	20307115	Đặng Phước Thành	Lâm	31/07/2002	Gia Lai	
39	T039	19702066	Nguyễn Duy	Lâm	09/04/2001	Đắk Lắk	
40	T040	21702226	Nguyễn Thùy	Linh	27/11/2003	Đắk Lắk	
41	T041	21702228	Phạm Thị Thùy	Linh	07/09/2003	Đồng Nai	
42	T042	21101104	Tạ Mai	Linh	16/07/2003	Đắk Lắk	
43	T043	21101036	Đào Thị	Loan	12/08/2003	Đắk Nông	
44	T044		Lê Thị Thúy	Loan	30/04/1987	Bình Phước	
45	T045	21101038	Trần Thị Cẩm	Ly	06/03/2003	Đắk Lắk	
46	T046	20307131	Nguyễn Thị Trúc	Mai	24/10/2002	Đắk Lắk	
47	T047	20307135	Nguyễn Trương Ngọc	Minh	21/07/2002	Phú Yên	
48	T048	21702238	H' Nean	Mlô	25/04/2003	Đắk Lắk	
49	T049	20307139	Phùng Thảo	My	19/04/2002	Đắk Lắk	

STT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
50	T050	20307146	Nguyễn Thị	Nga	07/02/2002	Phú Yên	
51	T051	20307151	Son Thị Tuyết	Ngân	15/10/2001	Trà Vinh	
52	T052	20307152	Trần Thúy	Ngân	21/10/2002	Đắk Lắk	
53	T053	21702246	Hồ Thị Kim	Ngọc	10/02/2003	Đắk Lắk	
54	T054		Tô Lê Bảo	Ngọc	24/10/2003	Đắk Lắk	
55	T055	21702248	Lê Hoàng Cao	Nguyên	19/01/2003	Đắk Lắk	
56	T056	21311081	Trần Thị Thanh	Nhàn	26/03/2003	Gia Lai	
57	T057	19307181	Trần Huỳnh Thanh	Nhật	19/07/2001	Bình Định	
58	T058		Đinh Thoại Yến	Nhi	27/11/2003	Bình Phước	
59	T059	21102031	Trần Thị Hồng	Nhung	29/11/2003	Đắk Lắk	
60	T060	21403107	Đào Ngọc Thảo	Như	24/10/2003	Đắk Lắk	
61	T061	21702253	Lê Thị Diễm	Như	31/10/2003	Đắk Lắk	
62	T062	21702254	Tán Huỳnh	Như	25/01/2003	Đắk Lắk	
63	T063	20303030	H Nhi	Niê	27/08/2002	Đắk Lắk	
64	T064	20403235	Hà Thị	Phuong	19/09/2002	Phú Thọ	
65	T065		Nguyễn Lê Minh	Phuong	27/09/1996	Đắk Lắk	
66	T066	21102024	Y -	Quốc	11/11/2003	Đắk Lắk	
67	T067	21305129	Nguyễn Ngọc	Quý	05/03/2003	Đắk Lắk	
68	T068	20307291	Ka Să My	Ran	02/10/2001	Lâm Đồng	
69	T069	21601012	Nguyễn Ngọc Thảo	Sương	12/01/2003	Đắk Lắk	
70	T070	21406107	Nguyễn Nhân	Tâm	12/08/2002	Đắk Lắk	
71	T071	21702274	Đoàn Thị Phương	Thanh	01/01/2003	Đắk Lắk	
72	T072	20307294	Phú Nữ Ái	Thanh	25/05/2001	Ninh Thuận	
73	T073	21901055	Trần Quang Đại	Thanh	24/06/2003	Gia Lai	
74	T074		Đinh Thị Xuân	Thảo	03/10/1983	Đắk Lắk	
75	T075	21702275	Nguyễn Uyên	Thao	24/02/2003	Đắk Lắk	
76	T076	19307227	Phan Thị Phước	Thảo	08/07/2001	Quảng Trị	
77	T077	19307228	Lê Thị Hồng	Thắm	06/01/2001	Gia Lai	
78	T078		Ngũ Thị Hồng	Thắm	13/11/2003	Bình Phước	
79	T079	19307236	Lê Văn	Thịnh	15/09/2001	Bình Định	
80	T080	21101123	Nguyễn Văn	Thịnh	19/08/2000	Ninh Thuận	
81	T081	21412063	Nguyễn Ngọc	Thúy	13/09/2001	Thừa Thiên Huế	
82	T082	21101064	Dương Thị Mỹ	Thương	09/04/2003	Đắk Lắk	
83	T083	21402292	Trần Thị Kim	Thương	15/11/2003	Đắk Lắk	
84	T084	19307252	Nguyễn Minh	Tiến	10/08/2001	Đắk Nông	
85	T085	19307256	Nguyễn Thị Huyền	Trang	05/04/2001	Bình Phước	
86	T086	19702158	Phạm Minh	Trí	20/08/2000	Đắk Lắk	
87	T087	20101047	Nguyễn Đức	Trọng	11/04/2002	Hà Nội	
88	T088	21406140	Lê Thanh	Tú	25/10/2003	Đắk Lắk	
89	T089	21102010	Hoàng Thị	Tuyến	04/11/2002	Đắk Lắk	
90	T090		Đoàn Thị Thúy	Vân	06/05/1989	Ninh Bình	
91	T091	21101133	Nguyễn Triệu	Vĩ	06/12/2003	Đắk Lắk	
92	T092	18302033	Huỳnh Hoàng	Việt	07/04/1999	Đắk Lắk	
93	T093	18307398	Nguyễn Quang	Vinh	01/01/2000	Đắk Lắk	
94	T094	21101077	Đổng Thị Hy	Vọng	09/10/2003	Ninh Thuận	
95	T095	21901096	Mùa A	Vừ	25/03/2003	Yên Bái	
96	T096	21102011	Chu Thị Ngọc	Vy	29/01/2003	Đắk Lắk	
97	T097	19307285	Lê Thị Tường	Vy	13/04/2001	Quảng Ngãi	
98	T098	21101079	Nguyễn Thị Thảo	Vy	13/03/2003	Gia Lai	
99	T099	21601111	Hoàng Thị Thanh	Xuân	01/04/2003	Đắk Lắk	
100	T100	19307291	Nguyễn Thị Hải	Yến	06/03/2000	Gia Lai	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 100